**Nguồn gốc và ý nghĩa chữ “Ngụy” qua các thể chế chính trị**

TỬ QUANG

Bốn năm trước, bộ sách “Lịch sử Việt Nam” của Viện Sử học (Bộ sách Lịch sử Việt Nam 15 tập, Nxb KHXH, 2017) không dùng từ “Ngụy quyền Sài Gòn” để chỉ chính thể Việt Nam cộng hòa trước 1975, đã gây ra một cuộc tranh cãi dữ dội. Có những ý kiến cho rằng: “Ngụy mãi là ngụy, muôn đời chẳng thể đổi thay”, một số ý kiến khác lại cho rằng: dùng chữ “Ngụy” là vô cùng thái quá.

Vậy, “Ngụy” nghĩa là gì? Trong lịch sử nước ta, ai là người đầu tiên viết chữ “Ngụy”? Những cá nhân/ tập thể nào đã từng bị gọi là “Ngụy”? Và, xét bối cảnh 1954 - 1975, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dùng chữ “Ngụy” để chỉ chế độ Việt Nam cộng hòa thì có chuẩn về mặt ngữ nghĩa hay không? Tìm hiểu về nguồn gốc, ý nghĩa của chữ “Ngụy” qua các thể chế chính trị sẽ là câu trả lời xác đáng nhất cho vấn đề này.

Trước hết, về nguồn gốc, chữ Ngụy được mượn nguyên từ chữ Nho, nó được viết là 偽.

- Nếu là tính từ, ngụy chỉ cái đối lập với “chính/chân/thật”, tức là giả/trái/phi chính thống/bất hợp pháp...

- Nếu là động từ, ngụy nghĩa là: làm giả, dối trá (ngụy tạo, ngụy biện...).

Như vậy, ngụy quyền có nghĩa là chính quyền giả mạo, chính quyền không chính thống, chính quyền bất hợp pháp. Chính quyền này có thể tự mình dùng vũ lực tước đoạt quyền lực của một chính quyền khác để tạo thành; hoặc được sự hậu thuẫn giúp đỡ của một thế lực bên ngoài mà dựng lên, nhằm phục vụ cho mưu đồ chính trị riêng của họ.

Lưu ý rằng, chữ Ngụy trong ngụy quyền, ngụy quân tử, ngụy trang... về âm thì giống, nhưng về nghĩa lại hoàn toàn khác với chữ Ngụy 魏 là danh từ riêng chỉ tên một dòng họ, hoặc một số triều đại trong lịch sử nước Tàu. Ví như: Tào Tháo có vương hiệu là “Ngụy Vương”; Tào Phi có thụy hiệu là Ngụy Văn Đế... Ngay cả ở Việt Nam ta cũng có dòng họ Ngụy với nhiều nhân vật nổi tiếng như: Ngụy Khắc Đản (Binh bộ Thượng Thư tức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng triều Tự Đức); Ngụy Như Kontum (Hiệu trưởng đầu tiên của ĐHQG HN)…

Ai là người đầu tiên dùng chữ “Ngụy”?

Đó (có thể) là Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn. Trong áng thiên cổ hùng văn mang tên 諭諸裨將檄文 “Dụ chư tỳ tướng hịch văn” nghĩa là “Bài văn hịch chỉ bảo các tướng dưới quyền”, có viết rằng: 竊見偽使往來道途旁午 “Thiết kiến NGỤY sứ vãng lai, đạo đồ bàng ngọ”.

Ngụy sứ được nói tới ở đây chính là sứ giả của ngụy triều. Ngụy triều ở đây chính là triều đại nhà Nguyên do chúa Mông Cổ là Hốt Tất Liệt lập nên tại Trung Quốc. Như vậy, theo góc nhìn đó (và cả của người Trung Hoa) thì nhà Nguyên của Mông Cổ là ngụy quyền, bởi nhà Nguyên là ngoại tộc, tự mình dùng vũ lực tước đoạt quyền lực của chính quyền nhà Tống mà sáng lập triều đại trên đất Trung Quốc. Đây là triều đại trên đất của người Hán nhưng lại không phải do người Hán và của người Hán, ấy là phi chính thống và bất hợp pháp.

Sách giáo khoa dịch câu trên là “Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường” đã bỏ mất chữ “Ngụy” nên không lột tả được ý nghĩa sâu xa mà Hưng Đạo Đại vương muốn nói tới. Có câu: “kẻ thù của kẻ thù là bạn”. Trong lúc Mông Cổ đã nuốt chửng và nô dịch Trung Quốc, nếu Việt Nam xem triều Nguyên là Ngụy, sẽ tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của họ, vừa tạo nên mối liên minh quân sự vững chắc. Nhờ thế mà có tác dụng làm yếu địch mạnh ta. Trong kháng chiến chống Nguyên Mông tại nước ta, nhiều người Tống đã sát cánh bên quân dân nhà Trần, cùng nhau “sát Thát”.

Những chính quyền nào đã từng bị gọi là “Ngụy”

Việc bắt đầu một chính quyền mới, bằng cách “dùng vũ lực tước đoạt quyền lực của một chính quyền khác để tạo thành” như định nghĩa ở trên chưa chắc đã là “Ngụy”, bởi nếu vậy thì nhà Lý thay nhà Tiền Lê, nhà Trần thay nhà Lý... cũng phải chăng đều là Ngụy?

Việc kết thúc của triều Lê (Tiền) và bắt đầu của triều Lý, và việc kết thúc của triều Lý và bắt đầu của triều Trần, đều mở ra trong trang sử dân tộc nhiều nét đẹp khó phai mờ: nhà Lý đánh Tống bình Chiêm, mở rộng lãnh thổ tới đất tương đương với Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay; nhà Trần đánh bại đế quốc số một thế giới, mở rộng biên cương tới vùng đất tương đương Huế, Đà Nẵng ngày nay; và cả hai triều đều có những vị vua sáng tôi hiền, kiến thiết đất nước, phát triển kinh tế, trong nước thái bình, nhân dân no ấm, tạo dựng nền văn hóa Lý - Trần rực rỡ... Tất nhiên, vào cuối mỗi triều đại đều có chung một mô típ: vua quan chỉ ham ăn chơi, không màng triều chính, nhân dân đói khổ, giặc nổi như ong... Nhưng những gì mà các vị vua “đời đầu” làm được cho dân cho nước rất khó bị phủ nhận. Chính vì vậy mà việc chuyển giao quyền lực đó thường không bị xem là “Ngụy”.

Hồ Quý Ly tước đoạt ngai vàng của nhà Trần lập nên triều đại nhà Hồ. Nhà Hồ cũng có công trong 7 năm tồn tại ít ỏi của mình: giành ưu thế trước Chăm Pa và đã mở được đất đai 4 châu về phía Nam tương đương với Nam Quảng Nam và Bắc Quảng Ngãi ngày nay. Nhưng sau đó, nhà Hồ lại thất bại trong cuộc xâm lăng của nhà Minh và nước ta lại phải chịu sự đô hộ tàn bạo của giặc Ngô, kéo theo nền văn hóa 400 năm rực rỡ thời Lý - Trần bị hủy diệt gần như toàn bộ; đồng thời, Chiêm Thành đã lấy lại những đất đai từng bị nhà Hồ chiếm. Không những vậy, mặc dù là vua một nước nhưng khi rơi vào tay giặc, Hồ Quý Ly và gia quyến lại không tự sát để bảo toàn danh tiết, mà tham sống sợ chết để giặc bắt và bị thủ tiêu thời gian sau đó (mỗi Hồ Nguyên Trừng giỏi chế vũ khí nên được giữ lại làm quan). Nhưng trong lịch sử, không ai gọi nhà Hồ là Ngụy, mà gọi bằng một chữ nhẹ nhàng hơn đó là 閏 “Nhuận”.

Vì sao vậy? Nhà Hồ tuy cướp ngôi, nước thì mất, thân thì nhục, lại “để trong nước lòng dân oán hận” nhưng nhà Hồ lại không phải đương đầu với thế lực chống đối nào từ con cháu họ Trần. Mặc dù hậu duệ nhà Trần có Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng vẫn tục nối nghiệp nhà Trần nhưng hoạt động chủ yếu là để kháng chiến chống Minh chứ không phải giành lại ngôi báu khi mà triều nhà Hồ đã không còn tồn tại. Chính vì vậy, không có sự tồn tại song song của hai chính quyền trên cùng một nước, nên không có sự đối đầu giữa “Chính” và “Ngụy”.

Như vậy, điều kiện cần để “Ngụy” xuất hiện là “dùng vũ lực tước đoạt quyền lực của một chính quyền khác”, nhưng phải có thêm điều kiện đủ, là “có sự tồn tại song song của hai chính quyền trên cùng một nước” như trường hợp của “Ngụy Mạc” và “Ngụy Tây Sơn” dưới đây:

Nhà Mạc làm cuộc chính biến để tước đoạt ngôi báu nhà Lê. Cựu thần nhà Lê sơ là Nguyễn Kim lập Lê Trang Tông làm vua, dẫn đến việc trung hưng nhà Lê và kéo theo một cuộc chiến tranh quy mô lớn giữa hai chính quyền trong một nước. Khi đó, nhà Lê Trung Hưng sẽ khẳng định mình là chính thống bởi họ là hậu duệ Lê Thái Tổ - ông tổ trung hưng thứ hai của dân tộc Việt Nam; còn nhà Mạc sẽ bị nhà Lê Trung Hưng chỉ đích danh là “Ngụy Mạc” vì họ là kẻ cướp ngôi.

Nhà Tây Sơn lật đổ ngôi vương của chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong, lật đổ vua Lê chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, xưng đế ở Phú Xuân. Cho tới khi hậu duệ chúa Nguyễn nổi dậy giành lại vương vị, cũng đã nổ ra một cuộc chiến quy mô lớn giữa hai chính quyền tồn tại song song trong một nước. Khi đó, Nguyễn Vương (Nguyễn Phúc Ánh) đã tự khẳng định mình là chính thống, bởi bản thân là hậu duệ của các chúa Nguyễn có công khai phá và làm chủ xứ Đàng Trong; còn nhà Tây Sơn bị gọi là “Ngụy Tây” vì họ là kẻ lật đổ chính quyền chúa Nguyễn.

Tất nhiên đây là quan điểm của chính sử triều Nguyễn và dù vậy, lịch sử của dân tộc không bao giờ quên công lao của người anh hùng Nguyễn Huệ: “áo vải cờ đào, giúp dân dựng nước xiết bao công trình”. Khi Quang Trung Nguyễn Huệ đánh tan 10 vạn quân Thanh, bảo vệ nền độc lập tự chủ của đất nước, bảo vệ nền văn hóa Việt Nam, như bài “Chiếu xuất quân”, rằng:

“Đánh cho để dài tóc

 Đánh cho để đen răng

Đánh cho nó chích luân bất phản

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn

Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ.”

Thì khi ấy, Nguyễn Huệ và Triều Tây Sơn chính danh hơn bao giờ hết!

Dĩ nhiên, Nguyễn Phúc Ánh phán định đối thủ như vậy, là có lý do vì lợi ích của dòng họ, gia tộc. Nhưng đến khi ông ta cầu viện quân Xiêm và Tây dương (Bồ Đào Nha và Pháp) để mưu sự vương bá, tranh đoạt chính quyền với Nguyễn Huệ, thì nhân dân cũng định rõ tội danh ấy là “rước voi giày mả tổ, cõng rắn cắn gà nhà”. Đến sự ấy Nguyễn Ánh không còn chính danh được nữa, mà lại theo vết xe đổ của Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống năm xưa. Hủ bại và ích kỷ, nhiều kẻ tự coi là đại diện cho cái “chính quyền” đã phản lại lợi ích quốc gia - dân tộc. Các triều đại phong kiến cuối cùng ở nước ta đã bị nhân dân và sử sách bình phán rất rạch ròi.

Một rừng không thể có hai hổ, một nước không thể có hai vua, khi hai chính quyền cùng tồn tại song song thì sẽ phải có một chính một ngụy.

Với từ nguyên ý nghĩa như đã nói ở trên, Ngụy là chữ do phía đối lập sử dụng để gọi đối tượng mà họ đang chống lại, mà bản thân đối tượng bị gọi là Ngụy không bao giờ bằng lòng và tự xưng bằng chữ ấy.

Ngoài hai chính quyền là hai triều đại bị xem là Ngụy nói trên, thì cũng có rất nhiều cá nhân và đối tượng khác cũng bị xem là Ngụy, ví như:

+ Thời Lý: Quách Bốc tôn người anh thứ của Thái tử Sảm là Lý Thầm lên làm vua, cũng là ngụy triều.

+ Thời Trần: Chế Bồng Nga đưa Ngự Câu vương Trần Húc về nước, lập làm vua, cũng là ngụy triều.

+ Thời Lê: “bọn gian tà bán nước cầu vinh” tức những người Việt làm quan cho giặc Ngô bị xem là “Ngụy quan”.

+ Thời Nguyễn: ngoài Ngụy Tây đã nói ở trên, thì tất cả các cuộc khởi nghĩa chống lại triều Nguyễn đều bị xem là Ngụy…

Nhân dân Việt Nam gọi “Việt Nam Cộng hòa” là “Ngụy” - đúng hay không đúng?

Như vậy, chữ “Ngụy” là chữ đã được sử dụng từ rất lâu, dưới nhiều triều đại phong kiến ở nước ta, mà không phải do chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tự đặt ra và lần đầu tiên sử dụng như cách mà các thế lực thù địch tuyên truyền. Nhân dân ta đã thấm nhuần những bài học lịch sử, đủ nhận thức và ý chí để gọi một chính quyền phi nghĩa được lập nên để đối kháng với khát vọng độc lập thống nhất dân tộc là “Ngụy”. Vì vậy, xét cả về ý nghĩa chính trị và cả lòng yêu nước, lúc bấy giờ, chữ Ngụy dùng để chỉ chính quyền Việt Nam Cộng hòa là hoàn toàn chính xác.

Trong chiến tranh, ngoài binh pháp, lương thảo, lực lượng, khí tài... thì tâm lý chiến cũng có vai trò và vị thế quan trọng. Đây là hệ thống các phương thức, các thủ đoạn hoạt động phá hoại trạng thái chính trị - tinh thần của đối phương. Nói trắng ra đó là sự đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng. Chính vì vậy, phải dùng chữ Ngụy để phơi bày tính phi nghĩa bất hợp pháp của lực lượng đối lập, đồng thời qua đó khẳng định tính chính nghĩa của chính mình và con đường đang đi là “chính đạo”.

 Cho nên, khẳng định mình là Chính quyền và chỉ định lực lượng đối lập là Ngụy quyền, ở đây không chỉ có ý nghĩa chính trị giữa chính quyền vì nhân dân, do nhân dân Việt Nam và Việt Nam Cộng hòa trong nội bộ lãnh thổ Việt Nam, mà nó còn là tuyên bố đanh thép của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm khẳng định với thế giới về tính chính nghĩa của chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, rằng, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là đại diện hợp pháp duy nhất của dân tộc Việt Nam trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam hiện tại. Điều đó đã nhận được sự đồng tình và công nhận của nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả những quốc gia là đồng minh của Mỹ và VNCH.

Ví dụ điển hình từ hai quốc gia “xa đồng quỹ, thư đồng văn” với Việt Nam, đồng thời là hai đồng minh thân cận nhất của Mỹ tại Đông Á, là Nhật Bản, Hàn Quốc. Hai nước này đã đi trước “quan thầy” của mình một bước, trong việc xác lập quan hệ ngoại giao với Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhật Bản chính thức lập quan hệ ngoại giao với VN DCCH vào ngày 21 tháng 9 năm 1973 - trước khi VNCH sụp đổ. Nhật Bản cũng mở lại viện trợ cho Việt Nam vào năm 1992. Đồng thời, Hàn Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào ngày 22 tháng 12 năm 1992. Nên nhớ rằng, thời điểm 1992, Mỹ còn chưa bình thường hóa quan hệ và dỡ bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam chúng ta.

Có ý kiến cho rằng: thời điểm bấy giờ, VNCH được 83 quốc gia trên thế giới công nhận, còn VNDCCH chỉ được 24 nước công nhận, thì rõ ràng tính chính danh của VNCH hơn hẳn. Thực ra, những quốc gia công nhận VNCH là những quốc gia đồng minh của Mỹ, theo Mỹ, và… sợ Mỹ, nên mới công nhận VNCH mà thôi. Còn sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam nắm quyền trên cả nước cho tới nay, thì tuyệt đại đa số các quốc gia trên thế giới đều đặt quan hệ ngoại giao với nước CHXHCN VN.

Mặc dù VNCH khăng khăng nhận mình khai quốc, nắm binh quyền tại miền Nam Việt Nam, xưng quốc hiệu, đặt quốc ca, định quốc kỳ,... nhưng VNCH lại phụ thuộc hoàn toàn vào Mỹ, và ngay bản thân lãnh đạo VNCH tự nhận thân phận mình là một kẻ tay sai, một chính quyền bù nhìn. Điều này được chính Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu khẳng định “Mỹ còn viện trợ, thì chúng tôi còn chống cộng” hay “Nếu Hoa Kỳ mà không viện trợ cho chúng tôi nữa, thì không phải là một ngày, một tháng hay một năm, mà chỉ sau ba giờ, chúng tôi sẽ rời khỏi Dinh Độc Lập”.

Hay như Tổng thống Dương Văn Minh cũng nói: “….trong đời tôi, tôi đã từng làm tay sai cho Pháp, rồi tay sai cho Mỹ, đã quá đủ rồi. Tôi không thể tiếp tục làm tay sai cho Trung Quốc”.

Như vậy, VNCH là chính quyền chống Cộng thay cho Mỹ, chứ không phải là chính quyền do dân vì dân, đấu tranh vì dân tộc. Dưới góc độc lịch sử dân tộc, thời điểm lúc bấy giờ, có thể khẳng định: ai được dân ủng hộ là chính quyền, ai dựa vào ngoại bang là ngụy quyền.

Một lãnh đạo cấp cao của VNCH từng nói chuyện ở Hải ngoại, rằng: “những người Cộng sản họ thắng, vì họ được sự ủng hộ của nhân dân”.

Nói một cách đúng nhất là chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp nối truyền thống chống ngoại xâm hào hùng của lịch sử dân tộc chứ không phải VNCH. Nhà Lê (tiền), nhà Lý đánh Tống, Nhà Trần đánh Nguyên, Nhà Lê (hậu) đánh Minh, Nhà Tây Sơn đánh Thanh, và VNCDCH đánh Pháp - Mỹ - Bá quyền Trung Quốc. Vậy thử hỏi: VNCH đánh giặc ngoại xâm nào?

Như vậy, rõ ràng Việt Nam Cộng hòa phi chính thống, bởi:

Họ không những không chống Pháp, không đánh Pháp, lại còn theo Pháp chống lại dân tộc mình. Pháp là kẻ thù của dân tộc Việt Nam, xâm lược từ 1858, đô hộ từ 1884; bị đánh bại từ 1945, lại tiếp tục xâm lược từ 1946 cho tới 1954 mới bị đánh bại hoàn toàn. Cho nên, theo Pháp là ngụy thể, chống Pháp là chính thể. Cứ xem lãnh đạo của VNCH là thấy rõ, tuyệt đại đa số là sĩ quan phục vụ dưới quyền của Pháp ở cái gọi là “Quân đội Quốc gia Việt Nam, sau khi Pháp bại trận lại tiếp tục đầu quân cho Mỹ. Nên nhớ, trong khoảng thời gian Pháp xâm lược trở lại nước ta (1946 - 1954) chính Hoa Kỳ là kẻ đã bao trọn gói cho Pháp hòng cướp nước ta một lần nữa.

Trong trận Điện Biên Phủ, quân đội Quốc Gia Việt Nam - tiền thân của quân lực VNCH đã hiệp lực với Pháp đánh lại QĐNDVN. Mà chiến thắng Điện Biên Phủ của VNDCCH có ý nghĩa lớn lao như thế nào đối với các quốc gia/dân tộc bị đô hộ trên thế giới, thì đã quá rõ, không cần bàn thêm nữa.

Khi bại trận, thì VNCH lại không tỏ ra được tâm thế của người từng nắm chính quyền: quân giải phóng mới đến Đà Nẵng và Tây Nguyên thì từ tổng thống đến thiếu úy đều hô vang hai chữ “tử thủ” để bảo vệ đất nước, nhưng khi quân giải phóng tiến sát Sài Gòn thì tất cả đều “tụt quần” và “đu càng” tháo chạy tán loạn. Lẽ ra nước mất thì tướng tá tự sát để bảo toàn danh tiết - tỏ rõ đại nghĩa đại trung, nhưng đằng này lại tham sống sợ chết, ai nấy cũng đều mưu riêng cho bản thân và gia đình mà tìm đường lánh nạn. Như Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từng tuyên bố hùng hồn cùng quân lực VNCH tử thủ Sài Gòn, nhưng khi quân giải phóng chưa vào đến nơi thì đã âm thầm trốn chay, bỏ mặc đồng đội đơn phương chiến đấu.

Điều này hoàn toàn trái ngược với những người Cộng sản kiên trung, từ triệu triệu tấm lòng nhân dân cho đến các nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn kiên trung đánh đuổi kẻ thù, giành độc lập tự do cho dân tộc: “ra đi ra đi bảo tồn sông núi, ra đi ra đi thà chết chớ lui”.

Tiếp tục ở thời kỳ hậu chiến, những người chế độ cũ lưu vong ở hải ngoại lại chống phá cực đoan, đả phá nhà nước CHXHCNVN, hòng phân chia dân tộc Việt Nam thêm lần nữa. Tệ hại hơn, họ ngăn cản sự hợp tác quốc tế và phát triển kinh tế của đất nước. Ví dụ điển hình: trong chặng cuối của chuyến đi Mỹ năm 2008, lãnh đạo nhà nước CHXHCNVN tới thành phố lớn nhất bang Texas để gặp mặt Việt kiều cũng như giới doanh nhân, khẳng định rằng: “Việt kiều là một bộ phận của Việt Nam, và kêu gọi đoàn kết xây dựng đất nước”, thì hàng trăm người Việt ở Houston đã có cuộc biểu tình phản đối cuộc viếng thăm này và kêu gọi Mỹ không hợp tác với Việt Nam. Về việc này, từ năm 1995, Tổng thống Bill Clinton gởi lời đến những người phản đối Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam (1995): “Họ đã chạy khỏi quê hương của họ vì sự hèn nhát. Giờ đây họ lại muốn trả thù kẻ chiến thắng bằng cách hy sinh lợi ích của Mỹ. Có vẻ họ không tự nhận thức được thân phận của họ”.

Cổ nhân có câu: “Bại binh chi tướng, bất khả ngôn dũng; thất quốc chi đại phu, bất khả ngôn trí” có nghĩa là: Tướng thua trận, thì không thể gọi đó là dũng tướng, quan đại phu của một quốc gia bị diệt vong, thì không thể gọi đó người có trí”. Thực sự nếu VNCH trí dũng và chính nghĩa thì chính quyền đó đã không bị tiêu diệt, và nếu có trí dũng thực sự thì chắc chắn không có những hành vi chống phá quê hương như vậy. Đại tướng William Westmoreland của Mỹ từng chia sẻ với chính những người Việt Nam Cộng Hòa: “Tôi thay mặt quân đội Hoa Kỳ, tôi xin lỗi các bạn cựu quân nhân của quân lực miền Nam Việt Nam vì chúng tôi đã bỏ các bạn… Chúng tôi (người Mỹ) là một bên chủ chiến với Cộng sản Việt Nam, các bạn chỉ là những kẻ được chúng tôi tuyển mộ và dựng lên để chống lại đồng loại của các bạn, chúng tôi không thù họ thì tại sao các bạn thù họ?”. Cựu giám đốc tình báo quốc gia Hàn Quốc là Won Sei Hoon cũng từng so sánh: “Tôi không nghĩ rằng nếu còn tồn tại VNCH sẽ giống Nam Hàn, nó sẽ trở thành Nam Sudan với nội chiến, đói nghèo, tham nhũng, xung đột tôn giáo… VNCH là một thứ ăn bám, rác rưởi, không thể sánh với chúng tôi”.

Còn về kinh tế, bản thân VNCH không phải là 1 quốc gia có kinh tế do chính mình xây dựng. Kinh tế VNCH hoàn toàn phụ thuộc vào Mỹ và các nước đồng minh. Thủ tướng VNCH Nguyễn Cao Kỳ từng khẳng định: “Chúng tôi là một quốc gia nông nghiệp, thế mà chúng tôi không xây dựng nổi một nhà máy phân bón. Trong khi đó chúng tôi lại nhập cảng xe cộ, máy vô tuyến truyền hình và nước hoa. Nói tóm lại, trong khuôn khổ kinh tế - xã hội hiện thời của VNCH (1965), viện trợ Hoa Kỳ dành cho Việt Nam chỉ có một nhóm ít người Việt Nam hưởng lợi, trong khi đó hầu hết những người khác đều vẫn chịu đựng sống trong tình trạng nền kinh tế thấp kém và không có những căn bản nào khả dĩ làm nền tảng được cho sự phát triển kinh tế quốc gia”. Còn Thống đốc quỹ phát triển quốc gia của VNCH Nguyễn Văn Hảo cũng khẳng định: “Ở miền Nam Việt Nam không có ngân sách quốc gia, mà chỉ có tờ trả lương… Cái khó ở miền Nam Việt Nam là không có vấn đề kinh tế nào đúng với kinh tế cả. Hầu hết chỉ dựa vào ngoại viện, hay ngoại thuộc, còn gọi là thuộc Mỹ. Nhưng Mỹ viện trợ rất ích kỷ. Mình cần cá để ăn, họ cho bao nhiêu cũng được, nhưng chiếc cần câu thì họ không cho, cách câu họ cũng không dạy”.

“Ngụy Mạc, Ngụy Tây Sơn” khác “Ngụy Sài Gòn” ở điểm nào?

Vua Tây Sơn Quang Trung có công phá Thái bình Thanh, giữ nguyên độc lập; các đời vua Mạc ở Thăng Long cũng có nhiều công lao trong xây dựng và phát triển nền văn hóa xã hội của đất nước.

Nhà Lê dù không đội trời chung với nhà Mạc nhưng cũng phải thẳng thắn thừa nhận: “Từ đó những người đi buôn bán chỉ đi tay không, không phải đem khí giới tự vệ. Mấy năm liền được mùa, nhân dân bốn trấn đều được yên ổn”. Và đặc biệt là tinh thần xem lợi ích dân tộc cao hơn lợi ích triều đại của các vua quan nhà Mạc, thể hiện qua câu nói của quan đại thần Mạc Ngọc Liễn:

“Nay khí vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng... Dân ta là dân vô tội mà để phải mắc nạn binh đao, sao lại nỡ thế!... Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải lầm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng”.

Và khi nhà Mạc đã rời khỏi Thăng Long, thì sử thần nhà Lê vẫn phải công nhận: “dù nước đã mất nhưng lòng người phần nhiều vẫn nhớ về nhà Mạc”.

Dù triều đại nhà Mạc và Tây Sơn sau này có suy tàn và diệt vong, nhưng hai triều đại đó không cầu viện quân sự từ nước ngoài đưa về trong nước, nên trong suốt thời gian Ngụy Mạc và Ngụy Tây làm chủ, nước ta không phải chịu bất cứ một sự cai trị trực tiếp hay gián tiếp nào liên quan tới yếu tố ngoại bang. Chính vì vậy, Nhà Mạc là ngụy quyền là theo góc nhìn của nhà Lê; và nhà Tây Sơn là Ngụy quyền cũng là do cách nhìn của nhà Nguyễn; chứ đối với lịch sử dân tộc, với những đóng góp của mình, thì nhà Mạc và Tây Sơn vẫn xứng đáng là hai triều đại chính thống.

Còn Việt Nam cộng hòa thì ngược lại, Chính quyền này không tự mình dùng vũ lực tước đoạt quyền lực của hai chính quyền khác để tạo thành như trường hợp của nhà Mạc nhà Tây Sơn; nhưng lại được sự hậu thuẫn giúp đỡ của một thế lực bên ngoài mà dựng lên, nhằm phục vụ cho mưu đồ chính trị riêng của họ. Như vậy, Ngụy Mạc, Ngụy Tây Sơn là Ngụy với một chính quyền khác; còn Ngụy Sài Gòn là Ngụy với chính đất nước mình. Đã liên quan tới yếu tố chính trị quân sự với ngoại bang, thì điều này không thể chối cãi được.

Nhưng, hiện nay có nên gọi Việt Nam Cộng Hòa là “Ngụy” nữa hay không? Đây là vấn đề lớn, mang tầm chính trị quốc gia, lại có tính lịch sử nên rất khó và cũng rất nhạy cảm để có thể đưa ra sự khẳng định hay lời bàn luận. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên quan điểm cá nhân dưới góc độ khoa học lịch sử mà không phản ánh tư tưởng chính trị hay mưu đồ xét lại. Hiện tại, không nên dùng “Ngụy” nữa, bởi lẽ:

Thứ nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam, sau này là nước VNDCCH, và nước CHXHCNVN có tính chính danh xuyên suốt mà không một ai có thể phủ nhận hay xuyên tạc. Cho nên, không cần phải chỉ đích danh phía bên kia là “Ngụy quyền” để khẳng định mình là chính thống. Hơn nữa, Hoa Kỳ và nước CHXHCNVN đã chính thức hòa giải và hợp tác. Ngày 03/02/1994, Tổng thống Bill Clinton thông báo quyết định bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam. Tại sao lại là ngày 3-2 mà không phải là 1 ngày nào khác. Mỹ đã khéo léo chọn ngày này bởi đây là ngày thành lập Đảng CSVN, qua đó như 1 lời công nhận chính thức rằng: Đảng CSVN là CHÍNH thể đại diện và CHÍNH quyền lãnh đạo của đất nước Việt Nam. Và cho tới ngày 11/07/1995: Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton và Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt thông báo quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa 2 nước. Hiện nay, lãnh đạo nhà nước CHXHCNVN đều gọi đồng bào ở hải ngoại là kiều bào mà không dùng chữ “Nguỵ” - tỏ rõ tâm thế người chiến thắng, quang minh chính đại, chính nhân quân tử, lượng cả bao dung, tinh thần thượng võ, gác lại quá khứ, hướng tới tương lai.

Thứ hai. Nước CHXHCN VN đã đặt quan hệ ngoại giao và hợp tác với nhiều nước từng là đồng minh Mỹ tham chiến nước ta như Philippin, Thái Lan, mà đặc biệt là Hàn Quốc. Chúng ta đã hòa giải với “người ngoài”, thì trước sau cũng sẽ hòa giải với “người nhà”. VNCH dù đối lập về chính trị nhưng lại là đồng bào cùng nòi giống. Hơn nữa, chính lãnh đạo cấp cao của VNCH như Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ, Trung tướng Đỗ Mậu và nhiều tướng lĩnh binh sĩ khác đã công nhận tính chính thống của Đảng CSVN một cách công khai.

Thứ 3. Nhìn sang các quốc gia trong khu vực thì thấy: CHND Trung Hoa và Trung Hoa dân quốc (Đài Loan) đang đối địch, Hàn Quốc và Triều Tiên cũng đang đối địch, vì cả 2 chình quyền đang tồn tại song song với nhau trên cùng một vùng lãnh thổ. Trong khi đó, nước Việt Nam đã hoàn toàn thống nhất, VNCH không còn lãnh thổ trên đất liền mà chỉ còn “lãnh thổ trên internet”. VNCH không còn khả năng trung hưng. Dân tộc Việt chúng ta nên đi trước dân tộc Hán và dân tộc Hàn một bước trong việc hòa giải quốc gia, hòa hợp dân tộc.

Thứ 4. Không gọi VNCH là “Ngụy” có lợi cho việc đấu tranh và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Trong thời gian tồn tại của VNCH, nước này là chính thể quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, điều này được rất nhiều quốc gia trên thế giới công nhận. Chính vì vậy, nếu như không gọi VNCH là “Ngụy quyền” thì tính pháp lý quốc tế đó mới được bảo đảm chắc chắn.

Khi Chính quyền và Ngụy quyền đối đầu với nhau, thì chiến thắng cuối cùng vẫn thuộc về chính quyền: Nhà Lê Trịnh thắng nhà Mạc, nhà Nguyễn thắng Tây Sơn (Nguyễn - Tây Sơn là vấn đề lớn của lịch sử dân tộc, đây cứ tạm xem như vậy đã), và ở đây, là chính quyền của nhân dân Việt Nam, đại diện cho ý chí thống nhất non sông của dân tộc Việt Nam đã chiến thắng VNCH. Nói theo văn cổ thì là: “do ý trời”, nhưng nói theo thực tế là do lòng dân. Có lòng dân là có tất cả. Đúng như nhà chính trị/giáo dục/văn hóa/thơ văn nổi tiếng Việt Nam thế kỷ 16 là Nguyễn Bỉnh Khiêm từng đúc kết:

古來國以民為本

得國應知在得民

“Cổ lai quốc dĩ dân vi bản,

Đắc quốc ưng tri tại đắc dân”

(Xưa nay nước lấy dân làm gốc

Được nước nên hay: bởi được dân)

Nhà thơ Đỗ Phủ có câu: “Quốc phá sơn hà tại” nghĩa là “triều đại/chính quyền thì mất nhưng non sông thì mãi còn”. Ngụy quyền VNCH đã mất, nhưng nhà nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam vẫn còn mãi mãi. Cứ ai là người Việt Nam, thì chỉ cần quan tâm tổ quốc còn, và dân tộc còn. Chiến tranh đã lùi xa, giờ là lúc chung tay phát triển đất nước.